

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - HUNG YÊN**

Bản án số: 133/2026/HS-ST
Ngày 15 – 7 – 2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HUNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Mười.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Quang Hiên.
2. Bà Nguyễn Thị Huế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 124/2026/HSST ngày 26 tháng 6 năm 2026, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2026/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2026, đối với bị cáo:

Bùi Đức T, sinh năm 1988. CCCD 025088012805, cấp ngày 25 tháng 08 năm 2022. Nơi thường trú: Khu Đ, xã V, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Quang H và bà Hà Thị H1; vợ: Trần Thị Phương N; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Chu Trà G, sinh năm 1985 (đã chết).

Địa chỉ: Xóm X, xã T, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện bị hại: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1982, vắng mặt, là chồng bị hại.

Cháu Nguyễn Chu B, sinh năm 2011, là con bị hại.

Cháu Nguyễn Trường A, sinh năm 2017, là con bị hại.

Người đại diện cho cháu B và cháu A là ông Nguyễn Văn T1, là bố các cháu.

Đều có địa chỉ: Xóm X, xã T, tỉnh Thái Nguyên.

Ông Chu Thế N1, sinh năm 1950, là cha đẻ bị hại, vắng mặt.

Bà Trần Thị N2, sinh năm 1954, là mẹ đẻ bị hại, vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn B, xã A, tỉnh Hưng Yên.

Các đại diện bị hại có văn bản ngày 25/3/2026 ủy quyền cho ông T1 đại diện tham gia tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3, địa chỉ: phường V, tỉnh Phú Thọ, đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1979, là giám đốc, có mặt.

Địa chỉ nơi ở: Số B, tổ C D, khu H, phường V, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Đức T có giấy phép lái xe hạng FC hợp lệ, có giá trị đến ngày 22/7/2029 hiện là lái xe của Công ty TNHH T3. T được công ty giao xe ô tô đầu kéo BKS: 19H-081.28 kéo theo somi romoóc BKS: 19RM-004.11. Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 30/01/2026, T điều khiển xe ô tô đầu kéo BKS: 19H-081.28 kéo theo somi romoóc BKS: 19RM-004.11 đi từ khu công nghiệp Đ, tỉnh Phú Thọ đến thành phố Hải Phòng để trả vỏ thùng container. Khoảng 20 giờ cùng ngày, T điều khiển xe ô tô đi trên Quốc lộ E chiều Hà Nội - Hải Phòng đến khu vực cầu vượt Quốc lộ E cắt ngang qua đường sắt thuộc địa phận xã N, tỉnh Hưng Yên thì điều khiển xe rẽ phải và đi vào đường ĐT 385 hướng xã N đi xã L. Đi được khoảng 50m thì T điều khiển xe ô tô đi ở phần đường bên phải theo hướng di chuyển. Gần đến đoạn đường song song với Km 21+2,1 đường sắt Hà Nội – Hải Phòng thuộc địa phận thôn Đ, xã N, tỉnh Hưng Yên thì T quan sát gương chiếu hậu bên phải thì thấy chị Chu Trà G sinh năm 1985 ở xóm X, xã T, tỉnh Thái Nguyên đang điều khiển xe mô tô Honda Lead, màu sơn đỏ đen, BKS: 20B2-482.99 đi ngang với hàng bánh đầu tiên bên phải của xe ô tô do T điều khiển. Lúc này bên trái xe ô tô do T điều khiển có 01 xe ô tô con (*loại xe 5 chỗ, không rõ nhãn hiệu, biển kiểm soát*) đi từ phía sau vượt lên phía trước và đi ngang đầu xe ô tô do T điều khiển. Đi được khoảng 15 -20m do không thấy xe ô tô con đang đi bên trái vượt lên hẳn nên T đã điều khiển xe ô tô tăng tốc và hơi đánh lái sang phải để vượt qua xe ô tô con. Lúc này do không chú ý quan sát nên T không biết chị G đang điều khiển xe mô tô đi phía trước cùng chiều dẫn đến mặt ngoài phía dưới cánh cửa bên phải đầu xe ô tô đầu kéo BKS: 19H-081.28 kéo somi romoóc BKS: 19RM-004.11 va chạm với mặt ngoài phía sau núm kim loại đầu tay lái bên trái xe mô tô BKS: 20B2-482.99 do chị G điều khiển làm cho chị G ngã ra đường và bị kéo rê về phía trước. Sau khi xảy ra va chạm thì T hơi đánh lái sang trái và đạp phanh xe ô tô được khoảng 10m thì dừng hẳn. Hậu quả: chị G bị thương được đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế V, sau đó tử vong tại Trung tâm y tế V; xe mô tô hư hỏng.

Ngày 30/01/2026, Phòng K Công an tỉnh H tiến hành khám nghiệm tử thi chị Chu Thị G1 xác định: Vùng bụng có đám sây sát da, rách da, dập nát tổ chức, vùng bụng bẹp từ trước ra sau; Mặt trước đùi phải có đám sây sát, rách bờ mép nham nhở, dập nát tổ chức; bộ phận sinh dục rách da, dập nát; Mổ vết thương vùng bẹn bên phải thấy da, tổ chức dưới da cơ dập nát, gãy phức tạp xương chậu hai bên và nhiều vùng sưng nề, sây sát, tụ máu. Kết luận giám định tử thi số 356/KLGĐTT-KTHS ngày 28/02/2026 của Phòng K Công an tỉnh H kết luận nguyên nhân chết của chị Chu Thị G1 là do: Đa chấn thương.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: Hiện trường vụ tai nạn được xác định là đoạn đường ĐT 385 chiều xã N đi xã L (K 21+2,1 đường sắt Hà Nội – Hải Phòng) thuộc địa phận thôn Đ, xã N, tỉnh Hưng Yên. Mặt đường được trải nhựa phẳng rộng 07m, mặt đường có vạch sơn kẻ đứt đoạn màu trắng để phân chia hai làn đường, vạch sơn liền màu trắng phân chia lề đường với mép đường, bên trái hiện trường tiếp giáp với dải phân cách cố định, bên phải chiều đường tiếp giáp với đường sắt Hà Nội – Hải Phòng chạy song song. Tại đoạn đường này không có gì cản trở tầm nhìn của người tham gia giao thông. Thông nhất lấy mép bên phải vạch sơn liền trắng phân chia lề đường với mép đường chiều xã N đi xã L là mép đường chuẩn, cột mốc Km 21 đường sắt Hà Nội – Hải Phòng là mốc chuẩn. Các dấu vết ghi nhận tại hiện trường như sau: Vết cào xước đứt đoạn, kích thước (1,8x0,02)m, có chiều xã N hướng về xã L, có tâm điểm đầu cách mép đường chuẩn là 0,18m, tâm điểm cuối cách mép đường chuẩn là 0,05m, điểm đầu nằm bên trái mép đường chuẩn, điểm cuối nằm bên phải mép đường chuẩn; Vết phanh, kích thước (12,2x0,45)m, có chiều xã N hướng về xã L, có tâm điểm đầu cách mép đường chuẩn là 0,8m, tâm điểm cuối vết phanh trùng với tâm bánh xe sau cùng bên phải của xe ô tô đầu kéo BKS: 19H-081.28 kéo theo somi romoóc BKS: 19RM-004.11; Vết phanh, kích thước (10,9x0,45)m, có chiều xã N hướng về xã L, có tâm điểm đầu cách mép đường chuẩn là 2,6m, tâm điểm cuối vết phanh trùng với tâm bánh xe sau cùng bên trái của xe ô tô đầu kéo BKS: 19H-081.28 kéo theo somi romoóc BKS: 19RM-004.11; Vết hằn bánh xe và mài miết cao su, kích thước vết hằn bánh xe (01x0,3)m, kích thước vết mài miết cao su màu đen (trên bề mặt bờ lốc bê tông vỉa hè) là (01x0,13)m; Xe ô tô đầu kéo BKS: 19H-081.28 kéo theo somi romoóc BKS: 19RM-004.11 đang đỗ, đầu xe quay về hướng xã L, đuôi xe quay về hướng xã N, có tâm bánh xe sau cùng bên phải cách mép đường chuẩn là 0,33m, tâm bánh xe đầu tiên bên phải cách mép đường chuẩn là 1,1m; Tổ chức mô cơ thể người, kích thước (4,5x1,1)m; Vùng nhựa vỡ và vết sơn màu đỏ - đen mài miết trên bề mặt bờ lốc bê tông vỉa hè, có kích thước (3,6x1,15)m; Xe mô tô BKS: 20B2-482.99 đang nằm đổ sang trái xuống lòng đường, có tâm bánh xe phía trước cách mép đường chuẩn là 0,4m, tâm bánh xe phía sau cách mép đường chuẩn là 0,3m. T bánh trước nằm phía bên trái mép đường chuẩn, tâm bánh sau nằm phía bên phải mép đường chuẩn theo chiều xã N hướng về xã L.

Kết quả khám nghiệm phương tiện liên quan: Ngày 03/02/2026, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh H tiến hành khám nghiệm phương tiện xe ô tô đầu kéo BKS: 19H-081.28 kéo somi romoóc BKS: 19RM-004.11 và xe mô tô Honda Lead, màu sơn đỏ đen, BKS: 20B2-482.99 liên quan đến vụ tai nạn giao thông trên.

- Xe mô tô Honda Lead, màu sơn đỏ đen, BKS: 20B2 – 482.99: mặt ngoài phía sau kim loại đầu tay lái bên trái có dấu vết trượt mất sơn màu đen theo chiều từ sau về trước, kích thước (6x3)cm; ngoài ra còn có các dấu vết ở ốp nhựa bảo vệ đèn xi nhan bên trái, ốp nhựa phía trên đèn chiếu sáng trước đầu xe, gương chiếu hậu bên phải, chắn bùn phía trước bánh trước bên trái; mà lốp bên trái, tay nắm người ngồi sau, ốp nhựa phía sau xe ở trên đèn chiếu hậu, cục đèn hậu đèn xi nhan phía sau, ốp nhựa của biển kiểm soát, ốp nhựa phía sau xe, phía dưới đèn chiếu hậu, cánh yếm bên phải, ốp nhựa phía trước giá đỡ chân người điều khiển, ốp nhựa của ống xả, cánh yếm bên trái và ốp

nhựa phía dưới người điều khiển bên trái; ốp nhựa thân xe bên trái. Các dấu vết phản ánh rõ chiều hướng di chuyển của các phương tiện trước khi va chạm, cơ chế hình thành dấu vết va chạm phù hợp với dấu vết để lại hiện trường.

- Xe ô tô đầu kéo BKS: 19H – 081.28 kéo theo somi romoóc BKS 19RM – 004.11: góc dưới cánh (cửa phụ) bên phải có dấu vết mài miết kim loại theo chiều từ trước về sau, kích thước (13x0,3) cm và bám dính chất màu đen, vị trí thấp nhất cách đất là 96cm; ngoài ra còn có các dấu vết lốp bên phải bánh bên ngoài của hàng bánh thứ hai từ trên xuống, má lốp bên phải bánh bên ngoài của hàng bánh thứ 3 từ trên xuống, má lốp bên phải bánh trong của hàng bánh thứ 4 bên phải từ trên xuống, ốp nhựa bảo vệ ốc xóp định la zăng của bánh bên phải hàng bánh thứ nhất. Các dấu vết phản ánh rõ chiều hướng di chuyển của các phương tiện trước khi va chạm, cơ chế hình thành dấu vết va chạm phù hợp với dấu vết để lại hiện trường.

Kết luận giám định số 995/KL-KTHS ngày 27/2/2026 của V1 Bộ C, kết luận:

+ Cơ chế hình thành dấu vết va chạm giữa xe mô tô biển số 20B2-482.99 với xe ô tô đầu kéo biển số 19H-081.28 kéo somi romoóc biển số 19RM-004.11: Dấu vết trượt, bám dính chất màu đen ở mặt ngoài phía dưới cánh cửa bên phải đầu xe ô tô đầu kéo biển số 19H-081.28 kéo somi romoóc biển số 19RM-004.11 có chiều từ trước về sau, phù hợp với dấu vết trượt xước, mất chất màu đen ở mặt ngoài phía sau núm kim loại đầu tay lái bên trái xe mô tô biển số 20B2-482.99. Dấu vết va chạm ở xe mô tô biển số 20B2-482.99 tại vị trí này có chiều từ sau về trước.

+ Tại thời điểm xảy ra va chạm, xe ô tô đầu kéo biển số 19H-081.28 kéo somi romoóc biển số 19RM-004.11 di chuyển nhanh hơn xe mô tô biển số 20B2-482.99.

+ Tại thời điểm xảy ra va chạm đầu tiên, xe mô tô biển số 20B2-482.99 chưa đổ.

Kiểm tra nồng độ cồn qua khí thở đối với Bùi Đức T lúc 21 giờ 06 phút ngày 30/01/2026 cho kết quả: 0,000mg/L khí thở. Xét nghiệm nước tiểu đối với T ngày 30/01/2026 cho kết quả âm tính với các loại ma túy.

Kết luận giám định số 975/KL-KTHS ngày 11/02/2026 và 982/KL-KTHS ngày 12/02/2026 của V1 Bộ C kết luận: Trong mẫu máu ghi thu của tử thi Chu Trà G gửi giám định không tìm thấy ethanol (*cồn*) và không tìm thấy chất ma túy và sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy.

Bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐDGTS ngày 9/4/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự xã N, tỉnh Hưng Yên kết luận: Tổng giá trị thiệt hại hư hỏng xe mô tô BKS: 20B2-482.99 là 5.190.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô BKS: 20B2-482.99 là của chị G. Ngày 30/3/2026, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh H đã trả lại phương tiện trên cho ông Nguyễn Văn T1 sinh năm 1982, ở xóm X, xã T, tỉnh Thái Nguyên (*là chồng, đại diện gia đình chị Chu Trà G*), ông T1 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu, đề nghị gì.

Bùi Đức T đã bồi thường cho gia đình nạn nhân Chu Trà G số tiền 400.000.000 đồng. Ông T1 đã nhận đủ tiền, không yêu cầu T phải bồi thường bất kỳ khoản tiền, chi phí nào khác. Ngày 05/6/2026, ông T1 đã có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T.

Đối với xe ô tô đầu kéo BKS: 19H-081.28 kéo somi romoóc BKS: 19RM-004.11 được xác định là tài sản của Công ty TNHH T3, địa chỉ: phường V, tỉnh Phú Thọ. Ngày 30/3/2026, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh H đã trả lại phương tiện trên cho ông Nguyễn Văn T2 sinh năm 1979, ở khu H, phường V, tỉnh Phú Thọ (*người đại diện theo pháp luật của công ty*), ông T2 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu, đề nghị gì.

Đối với 01 giấy phép lái xe số 25011300806 do Sở Giao thông vận tải tỉnh P cấp ngày 22/7/2024, có giá trị đến ngày 22/7/2029 của Bùi Đức T được lưu trong hồ sơ và chuyển kèm theo vụ án.

Tại bản cáo trạng số 55/CT-VKSKV4 ngày 26/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên truy tố bị cáo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng truy tố, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Ông Nguyễn Văn T2 trình bày bị cáo là lái xe có hợp đồng lao động với Công ty là đúng. Sau khi sự việc xảy ra tai nạn Công ty đã yêu cầu bị cáo quan tâm, thăm hỏi, động viên gia đình bị hại. Đối với xe ô tô đầu kéo BKS: 19H-081.28 kéo somi romoóc BKS: 19RM-004.11 Công ty đã nhận lại và không có yêu cầu gì đối với bị cáo; đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hưng Yên đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Đức T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 260; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Đức T từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Đức T cho Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo Bùi Đức T 01 giấy phép lái xe hạng FC, số 250113000806, cấp ngày 22/7/2024 mang tên Bùi Đức T.

Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Các quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, bản cáo trạng, quyết định đưa vụ án ra xét xử được tổng đạt cho bị cáo đúng pháp luật; việc lấy lời khai những người tham gia tố tụng, hỏi cung bị can đều đảm bảo. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì. Hội đồng xét xử xác định việc điều tra, truy tố, xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] *Về nội dung*: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của đại diện bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện giao thông, kết luận giám định và các chứng cứ khác, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 20 giờ 10 phút ngày 30/01/2026, tại đường Đ chiều xã N đi xã L thuộc địa phận thôn Đ, xã N, tỉnh Hưng Yên, bị cáo Bùi Đức T (có giấy phép lái xe hạng FC hợp lệ, có giá trị đến ngày 22/7/2029) điều khiển xe ô tô đầu kéo BKS: 19H – 081.28 kéo somi romoóc BKS: 19RM – 004.11 không quan sát phía trước, vượt xe trong trường hợp không được vượt dẫn đến va chạm với xe mô tô BKS: 20B2 – 482.99 do chị Chu Trà G sinh năm 1985 ở xóm X, Xã T, tỉnh Thái Nguyên điều khiển đi trước cùng chiều gây tai nạn. Hậu quả: chị Chu Trà G được đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế V sau đó bị chết cùng ngày, xe mô tô BKS: 20B2-482.99 bị hư hỏng thiệt hại 5.190.000 đồng (năm triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

Hành vi điều khiển xe ô tô không quan sát phía trước, vượt xe trong trường hợp không được vượt của Bùi Đức T đã vi phạm khoản 3, điểm a khoản 6 Điều 14 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Vi phạm như nêu trên của Bùi Đức T đã gây thiệt hại làm chị Chu Trà G bị chết, nên đã phạm tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn là đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, xâm phạm đến các quy định của pháp luật về an toàn giao thông đường bộ, ảnh hưởng đến tính mạng của người khác là khách thể được Luật hình sự bảo vệ. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự phải nhận thức rõ việc điều khiển xe ô tô tham gia giao thông là phải chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật, đặc biệt là các quy định về an toàn giao thông. Khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông phải chú ý quan sát, chỉ được vượt khi không có chướng ngại vật phía trước và phải đảm bảo an toàn, tuy nhiên bị cáo đã không chấp hành quy định về an toàn giao thông, nên đã gây ra hậu quả đau thương, mất mát cho gia đình bị hại.

Hội đồng xét xử thấy cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đảm bảo giáo dục bị cáo, đồng thời phòng ngừa các hành vi tương tự xảy ra.

Tuy nhiên cũng xét đến, sau khi tai nạn xảy ra bị cáo tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại; tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn

hồi cải; đại diện bị hại đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo có ông nội được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhất, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét bị cáo hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng, bị cáo có nhân thân tốt, nên áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương thì cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú quản lý giám sát và giáo dục.

[3] *Về hình phạt bổ sung*: Xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, hoàn cảnh bị cáo là lao động chính, có đơn trình bày được chính quyền địa phương xác nhận, nên không áp dụng hình phạt bổ sung cấm hành nghề đối với bị cáo.

[4] *Về các biện pháp tư pháp*:

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), đại diện bị hại không có yêu cầu gì thêm, nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 giấy phép lái xe hạng FC, số 250113000806, cấp ngày 22/7/2024 mang tên Bùi Đức T đang lưu trong hồ sơ vụ án là giấy tờ cá nhân của bị cáo, do không áp dụng hình phạt bổ sung, nên sẽ trả lại cho bị cáo để sử dụng.

Xe mô tô BKS: 20B2-482.99 là của chị G. Ngày 30/3/2026, Cơ quan điều tra đã trả lại phương tiện trên cho ông Nguyễn Văn T1 (là chồng, đại diện gia đình chị Chu Trà G), ông T1 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu, đề nghị gì.

Đối với xe ô tô đầu kéo BKS: 19H-081.28 kéo sơ mi rơmoóc BKS: 19RM-004.11 được xác định là tài sản của Công ty TNHH T3. Ngày 30/3/2026, Cơ quan điều tra cũng đã trả lại phương tiện trên cho ông Nguyễn Văn T2, tại phiên tòa ông T2 không có yêu cầu gì, nên không xem xét.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] *Tuyên bố*: Bị cáo Bùi Đức T phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

[2] *Áp dụng*: Điểm a Khoản 1 Điều 260; Điểm b, s Khoản 1, 2 Điều 51; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

[3] *Xử phạt*: Bị cáo Bùi Đức T 01 năm 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Đức T cho Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

[4] *Các biện pháp tư pháp*: Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Điểm b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo Bùi Đức T 01 giấy phép lái xe hạng FC, số 250113000806, cấp ngày 22/7/2024 mang tên Bùi Đức T.

[5] *Về án phí*: *Về án phí*: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Bùi Đức T.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đại diện gia đình bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 4 – Hưng Yên;
- CQĐT-CA tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo, đại diện bị hại; người liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Mười